TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST
Ngày: 23-10-2020
V/v tranh chấp về bồi thường
thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà
Bà Nguyễn Thị Thương

-Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 23-10-2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 52/2020/TLST-DS ngày 27/5/2020 về tranh chấp "*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B (Có mặt)

2.*Bị đơn:* Ông Hà Ngọc H, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hà Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B .(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện, bản khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và diễn biến tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng 08 giờ ngày 31/5/2019 bà M đang đứng nói chuyện với bà Nguyễn Thị M về việc đường nước thải sinh hoạt do nhà bà M đang xây dựng, lúc này Hà Ngọc H là con của bà M không cho bà M nói chuyện với bà M, bà M mới nói H có ăn học mà nói chuyện dóc, lúc này H gây chuyện và dùng tay đánh vào mặt bà M nhiều cái gây thương tích, bà M phải đến bệnh viện điều trị thương tích tổng số tiền chi phí điều trị theo hóa đơn thuốc và tiền xe là 3.268.000đ, tiền công lao động bị mất trong những ngày nghỉ điều trị thương tích là 2 tháng (200.000đ x 60 ngày = 12.000.000đ). Nay bà M yêu cầu Hà Ngọc H phải bồi thường cho bà M số tiền là 12.000.000đ tiền công lao động bị mất và 3.268.000đ tiền điều trị thương tích. Tổng cộng bà M yêu cầu Hà Ngọc H phải bồi thường là 15.268.000đ.

-Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền củ bị đơn ông Hà Thanh T trình bày:

Ông H không có đánh bà M, bà M bị thương tích là do bà M tự gây ra, hai bên cự cãi nhau dẫn đến xô xát nên bà M bị thương, bà M có lớn tiếng chửi ông H và chửi mẹ ông H là chó. Do đó ông H không đồng ý bồi thường số tiền 15.268.000đ cho bà M.

Ông H có yêu cầu phản tố, ông H yêu cầu Tòa án buộc bà M phải bồi thường cho ông H số tiền tổn thất cánh cửa do hành động ném đá vào nhà ông H là 1.000.000đ, chi phí thuốc do làm mặt ông H trầy là 500.000đ, đền bù khoảng thời gian làm việc bị ảnh hưởng do mặt bị trầy và chi phí di chuyển do phải làm việc cơ quan công an và tòa án là 15.000.000đ, tổng cộng số tiền là 16.500.000 đồng

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 2.697.000 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 570.814 đ (3.268.000đ – 2.697.186 đồng) và tiền công lao động bị mất là 12.000.000đ; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1].*Về tố tụng:*

[1.1].*Về thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn P, huyện Đ, căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

[1.2].*Về quan hệ pháp luật*: Căn cứ Điều 26 của BLTTDS, HĐXX xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm".

[1.5].*Về áp dụng pháp luật:* Nguyên đơn và bị đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại thời điểm Bộ luật Dân sự (viết tắt là BLDS) 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 và các quy định khác của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

[2].*Về nội dung:*

[2.1].*Về yêu cầu khởi kiện:*

Tại phiên tòa bà M yêu cầu Tòa án buộc ông H phải bồi thường cho bà M chi phí tiền thuốc, bồi dưỡng hồi phục sức khỏe là 3.268.000đ, tiền công lao động bị mất các ngày nghỉ làm là 60 ngày x 200.000đ/ngày = 12.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 15.268.000 đồng. Lý do bà M yêu cầu là ông H dùng tay đánh vào mặt bà M nhiều cái gây thương tích. Ông H không đồng ý bồi thường và cho rằng bà M bị thương tích là do bà M tự gây ra. Xét thấy tại biên bản lấy lời khai đối với Hà Ngọc H ngày 31/5/2019 tại công an thị trấn Phước Hải, H thừa nhận có xảy ra xô xát với bà M, bà M dùng tay cào vào mặt H, H có dùng tay không đẩy lại vào mặt bà M, làm bà M bị chảy mí mắt (Mí mắt bên phải), sau đó được mọi người can ngăn và công an thị trấn Phước Hải mời lên làm việc. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của bà M về việc buộc ông H phải bồi thường số tiền thuốc là 1.997.186 đồng (Theo các hóa đơn bà M cung cấp) và 700.000 đồng tiền xe chở bà M đi cấp cứu, tổng cộng là 2.697.186 đồng (Làm tròn là 2.697.000 đồng). Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà M về việc yêu cầu ông H bồi thường số tiền là 570.814 đ (Số tiền thuốc bà M yêu cầu là 3.268.000đ – số tiền Hội đồng xét

xử chấp nhận là 2.697.186 đồng). Xét thấy bà M không có chỉ định của Bác sĩ chuyên khoa khám bệnh về việc phải nghỉ làm, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà M về việc yêu cầu ông H bồi thường số tiền công lao động bị mất là 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông H yêu cầu Tòa án buộc bà M phải bồi thường cho ông H số tiền tổn thất cánh cửa do hành động ném đá của bà M vào nhà ông H là 1.000.000đ, chi phí thuốc do làm mặt ông H trầy là 500.000đ, đền bù khoảng thời gian làm việc bị ảnh hưởng do mặt bị trầy và chi phí di chuyển do phải làm việc cơ quan công an và tòa án là 15.000.000đ, tổng cộng số tiền là 16.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông H không cung cấp được hóa đơn chứng từ để chứng minh là sửa cửa 1.000.000 đồng, ông H không cung cấp hóa đơn tiền thuốc điều trị do bị trầy, ông H không có chỉ định của Bác sĩ chuyên khoa khám bệnh về việc phải nghỉ làm do mặt bị trầy, do đó HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bà M phải bồi thường cho ông H số tiền tổn thất cánh cửa do hành động ném đá vào nhà ông H là 1.000.000đ, chi phí thuốc do làm mặt ông H trầy là 500.000đ, đền bù khoảng thời gian làm việc bị ảnh hưởng do mặt bị trầy và chi phí di chuyển do phải làm việc cơ quan công an và tòa án là 15.000.000đ, tổng cộng số tiền là 16.500.000 đồng.

[2.2].*Về tài liệu, chứng cứ:* Hội đồng xét xử xác định những tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp, lời thừa nhận của các bên đương sự và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét, giải quyết có trong hồ sơ vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96 BLTTDS là chứng cứ của vụ án.

[3].*Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 2.697.000 đồng là có căn cứ, nên ghi nhận; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 570.814 đ (3.268.000đ – 2.697.186 đồng) và tiền công lao động bị mất là 12.000.000đ là có căn cứ, nên ghi nhận; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, nên ghi nhận.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo Điều 217 và Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 155, 584, 585, 590, 688 Bộ luật Dân sự;

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 144, 266, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M, buộc ông Hà Ngọc H phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Bùi Thị M số tiền 2.697.000 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M đối với ông Hà Ngọc H về việc bà M yêu cầu ông H phải bồi thường số tiền 570.814 đồng và số tiền 12.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hà Ngọc H đối với bà Bùi Thị M về việc ông H yêu cầu bà M bồi thường số tiền tổn thất cánh cửa do hành động ném đá của bà M vào nhà ông H là 1.000.000 đồng, chi phí thuốc do làm mặt ông H trầy là 500.000đ, đền bù khoảng thời gian làm việc bị ảnh hưởng do mặt bị trầy và chi phí di chuyển do phải làm việc cơ quan công an và tòa án là 15.000.000đ, tổng cộng số tiền là 16.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Bà Bùi Thị M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 23/10/2020).

5. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nguyễn Xuân Thu